

**PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC****CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/NQ-CP

*Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2010***NGHỊ QUYẾT****Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc kèm theo Nghị quyết này.**Điều 2.** Giao Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 và Điều 3 của Nghị quyết này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Ủy ban Dân tộc chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

**Điều 3.** Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong luật, pháp lệnh cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản

hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về việc cho phép bổ sung dự án luật, pháp lệnh để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, 2012 theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành liên quan hoàn thành việc soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh nêu trên gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

**Điều 4.** Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Ủy ban Dân tộc áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định.

**Điều 5.** Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, thực hiện ngay việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền, ban hành để bảo đảm thi hành khi các văn bản của trung ương nói trên có hiệu lực.

**Điều 6.** Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Ủy ban Dân tộc, các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

**Điều 7.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**

## **PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN DÂN TỘC**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-CP  
ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)*

### **I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**

#### **A. Nội dung phương án đơn giản hóa**

##### **1. Thủ tục Giải quyết khiếu nại - B-UBA-051997-TT**

a) Bổ sung quy định về trình tự thực hiện như sau: Trường hợp yêu cầu giải quyết khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiếp nhận thì cơ quan tiếp nhận phải chuyển cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết và gửi văn bản thông báo cho cá nhân, tổ chức khiếu nại;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn khiếu nại theo quy định hoặc bản ghi lời khiếu nại; giấy ủy quyền khiếu nại (nếu có);

+ Văn bản, tài liệu, hiện vật, báo cáo, trả lời, tường trình, giải trình hợp pháp của người khiếu nại, người bị khiếu nại (nếu có).

- Bổ sung quy định: Đơn khiếu nại không bắt buộc phải làm theo mẫu số 32 ban hành kèm theo Quyết định số 1131/2008/QĐ-TTCT ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Thanh tra Chính phủ.

c) Pháp lý hóa các nội dung quy định về thủ tục hành chính này tại Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc ban hành quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân của cơ quan Ủy ban Dân tộc.

##### **2. Thủ tục Giải quyết tố cáo - B-UBA-051969-TT**

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo;

+ Văn bản, tài liệu, hiện vật, báo cáo, trả lời, tường trình, giải trình hợp pháp của người tố cáo, người bị tố cáo (nếu có).

- Bổ sung quy định: Đơn tố cáo không bắt buộc phải làm theo mẫu số 46 ban hành kèm theo Quyết định số 1131/2008/QĐ-TTCP ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Thanh tra Chính phủ.

b) Pháp lý hóa các nội dung quy định về thủ tục hành chính này tại Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc ban hành quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân của cơ quan Ủy ban Dân tộc.

### 3. Thủ tục Thi đua, Khen thưởng - B-UBA-052037-TT

a) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục khen thưởng định kỳ của mỗi đợt xét khen thưởng là 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Cụ thể như sau:

- Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: 15 ngày làm việc.

- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tiến hành họp bình xét khen thưởng đối với từng cá nhân theo quy định: 10 ngày làm việc.

- Căn cứ báo cáo kết quả của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, tập thể lãnh đạo Ủy ban xem xét, thông qua trước khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký quyết định: 03 ngày làm việc.

- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký ban hành Quyết định khen thưởng đối với cá nhân cán bộ công chức, viên chức: 02 ngày làm việc.

b) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục khen thưởng đột xuất là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Cụ thể như sau:

- Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: 07 ngày làm việc.

- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tiến hành họp bình xét khen thưởng đối với từng cá nhân theo quy định: 03 ngày làm việc.

- Căn cứ báo cáo kết quả của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, tập thể lãnh đạo Ủy ban xem xét, thông qua trước khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký quyết định: 03 ngày làm việc.

- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký ban hành Quyết định khen thưởng đối với cá nhân cán bộ công chức, viên chức: 02 ngày làm việc.

### 4. Thủ tục Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” - B-UBA-051787-TT

- Quy định rõ thời hạn xét tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” định kỳ là 12 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy định thời hạn xét tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” đột xuất là 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

## **B. Trách nhiệm thực thi phương án đơn giản hóa**

**Giao Ủy ban Dân tộc** xây dựng thông tư để quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Thi đua, Khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

+ Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các Dân tộc” để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3 và 4 Mục A Phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

## **II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

### **A. Nội dung phương án đơn giản hóa**

1. Thủ tục cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn - B-UBA-071898-TT

a) Sửa đổi tên thủ tục thành “Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn”;

b) Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc đối tượng đặc biệt khó khăn đăng ký vay vốn phát triển sản xuất tại thôn, bản;

- Bước 2: Thôn, bản phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở tiến hành bình xét các hộ gia đình đủ tiêu chuẩn vay vốn theo thứ tự ưu tiên;

- Bước 3: Thôn, bản lập danh sách hộ đề nghị vay vốn theo thứ tự ưu tiên kèm theo biên bản họp bình xét (có xác nhận của tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở) để gửi Ủy ban nhân dân xã xác nhận;

- Bước 4: Ủy ban nhân dân xã xem xét, tổng hợp và xác nhận danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên của xã, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt;

- Bước 5: Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên, chuyển danh sách đã phê duyệt sang Ngân hàng Chính sách Xã hội để tiến hành cho vay theo đúng thứ tự ưu tiên tại danh sách và tuân thủ quy trình, thủ tục do Ngân hàng Chính sách Xã hội quy định.

c) Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

- Danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên (do thôn, bản lập);

- Biên bản họp bình xét hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn (do thôn, bản lập) có xác nhận của tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

d) Quy định rõ thời hạn phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn tối đa là 30 ngày làm việc (kể từ ngày thôn, bản bắt đầu bình xét). Cụ thể như sau:

- Thôn, bản phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở tiến hành bình xét các hộ gia đình đủ tiêu chuẩn vay vốn theo thứ tự ưu tiên: 02 ngày làm việc;

- Thôn, bản lập danh sách hộ đề nghị vay vốn theo thứ tự ưu tiên kèm theo biên bản họp bình xét (có xác nhận của tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở) để gửi Ủy ban nhân dân xã xác nhận: 01 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân xã xem xét, tổng hợp và xác nhận danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên của xã, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt: 15 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên, chuyển danh sách đã phê duyệt sang Ngân hàng Chính sách Xã hội để tiến hành cho vay theo đúng thứ tự ưu tiên tại danh sách và tuân thủ quy trình, thủ tục do Ngân hàng Chính sách Xã hội quy định: 12 ngày làm việc.

đ) Quy định rõ danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn do Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt là căn cứ để Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện cho vay (bao gồm việc tuân thủ thứ tự ưu tiên tại danh sách);

e) Pháp lý hóa các nội dung quy định về thủ tục hành chính này tại Văn bản số 933/UBND-CSĐT ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 126/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

## 2. Thủ tục hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường - B-UBA -072086-TT

a) Quy định rõ thời hạn phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường tối đa là 30 ngày làm việc (kể từ ngày thôn, bản bắt đầu bình xét). Cụ thể như sau:

- Căn cứ vào kế hoạch được thông báo, thôn, bản tổ chức họp bình xét công khai hộ được hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường theo thứ tự ưu tiên, lập biên bản cuộc họp có sự tham gia của đại diện các tổ chức đoàn thể: 02 ngày làm việc;

- Trưởng thôn, bản lập danh sách hộ gia đình nghèo được ưu tiên hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường kèm theo biên bản họp gửi Ủy ban nhân dân xã: 01 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân xã rà soát, tổng hợp danh sách hộ nghèo được hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường vào đối tượng thụ hưởng chung theo Chương trình 135 của từng xã, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét: 10 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: 05 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định phê duyệt: 12 ngày làm việc.

b) Quy định thời hạn thực hiện việc giải ngân hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường (hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật) tối đa là 03 tháng;

c) Bổ sung quy định về đối tượng thụ hưởng như sau: Các xã mới được tách từ xã thuộc Chương trình 135 (tách theo địa giới hành chính) được hưởng các chính sách về hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường, hỗ trợ học sinh đi học và các chính sách khác của Đảng và Nhà nước dành cho hộ nghèo sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn.

## 3. Thủ tục hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo đi học -B-UBA-072122-TT

a) Quy định rõ trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1: Gia đình học sinh thuộc diện hộ nghèo đang sinh sống tại xã, thôn đặc biệt khó khăn ở xã khu vực II làm đơn nộp cho các trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông để đăng ký được hưởng chính sách hỗ trợ cho học sinh là con hộ nghèo;

- Bước 2: Các trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông lập danh sách học sinh con hộ nghèo học mẫu giáo, học sinh bán trú đang học tại trường, gửi Ủy ban nhân dân xã có học sinh theo học để đối chiếu, xác nhận đúng đối tượng được thụ hưởng chính sách (trường hợp xã không

có trường mà chỉ có lớp mẫu giáo thì do Ủy ban nhân dân xã lập), trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, tổng hợp;

- Bước 3: Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp danh sách của các xã, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp đối tượng thụ hưởng và mức kinh phí thực hiện vào trong dự toán chung của Chương trình 135. Căn cứ khả năng ngân sách và điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch thực hiện giao cho các huyện;

- Bước 5: Căn cứ trên kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện giao kế hoạch thực hiện cho các xã để hỗ trợ con hộ nghèo đi học tại các lớp mẫu giáo. Riêng đối với các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở, trường tiểu học là những đơn vị tài chính độc lập có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước huyện, Ủy ban nhân dân huyện giao trực tiếp cho từng trường để thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh.

b) Xây dựng và ban hành mẫu Đơn đề nghị hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo đi học;

c) Quy định rõ thời hạn thực hiện việc hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo đi học tối đa là 50 ngày làm việc (tính từ thời điểm trường học tổng hợp danh sách học sinh để gửi Ủy ban nhân dân xã xác nhận). Cụ thể như sau:

- Các trường tổng hợp danh sách con hộ nghèo học mẫu giáo, học sinh bán trú đang học tại trường, gửi Ủy ban nhân dân xã có học sinh theo học: 07 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân xã có học sinh theo học đối chiếu với danh sách các trường đã lập, xác nhận danh sách học sinh đúng đối tượng được thụ hưởng chính sách, trình Ủy ban nhân dân huyện: 15 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp danh sách các xã đã lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc;

- Căn cứ khả năng ngân sách và điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch thực hiện, giao cho các huyện để hỗ trợ con hộ nghèo đi học tại các trường: 15 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân huyện giao kế hoạch thực hiện cho các xã để hỗ trợ con hộ nghèo đi học tại các lớp mẫu giáo. Riêng đối với các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở, trường tiểu học là những đơn vị tài chính độc lập có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước huyện, Ủy ban nhân dân huyện giao trực tiếp cho từng trường để thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh: 08 ngày làm việc;



- Các trường học cấp tiền mặt hàng tháng cho học sinh vào cuối tháng theo định mức và số ngày học thực tế.

d) Bổ sung quy định về đối tượng thụ hưởng như sau: Các xã mới được tách từ xã thuộc Chương trình 135 (tách theo địa giới hành chính) được hưởng các chính sách về hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường, hỗ trợ học sinh đi học và các chính sách khác của Đảng và Nhà nước dành cho hộ nghèo sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn.

4. Thủ tục hỗ trợ giải quyết đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng Sông Cửu Long - B-UBA-060049-TT

a) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hỗ trợ giải quyết đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long tối đa là 40 ngày làm việc (kể từ ngày xóm, ấp bắt đầu bình xét hộ đồng bào dân tộc được thụ hưởng chính sách). Cụ thể như sau:

- Tổ chức họp bình xét hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn chưa có đất ở tại cơ sở xóm, ấp: 02 ngày làm việc;

- Tổng hợp danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất ở theo thứ tự ưu tiên kèm theo biên bản họp gửi Ủy ban nhân dân xã: 01 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân xã rà soát, tổng hợp danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất ở theo thứ tự ưu tiên tại xã, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt: 04 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất ở theo thứ tự ưu tiên: 03 ngày làm việc;

- Các cơ quan chức năng thực hiện việc giao đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn: 30 ngày làm việc.

b) Pháp lý hóa các nội dung quy định về thủ tục hành chính này tại Văn bản số 886/UBND-CSĐT ngày 03 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

5. Thủ tục hỗ trợ giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long - B-UBA-060056-TT

a) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hỗ trợ giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long

tối đa là 45 ngày làm việc (kể từ ngày xóm, ấp bắt đầu bình xét hộ đồng bào dân tộc được thụ hưởng chính sách). Cụ thể như sau:

- Tổ chức họp bình xét hộ đồng bào dân tộc thiếu số nghèo, đời sống khó khăn chưa có đất sản xuất tại cơ sở xóm, ấp: 02 ngày làm việc;

- Tổng hợp danh sách hộ đồng bào dân tộc thiếu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất sản xuất theo thứ tự ưu tiên kèm theo biên bản họp gửi Ủy ban nhân dân xã: 01 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân xã rà soát, tổng hợp danh sách hộ đồng bào dân tộc thiếu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất sản xuất theo thứ tự ưu tiên tại xã, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt: 06 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiếu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất sản xuất theo thứ tự ưu tiên: 06 ngày làm việc;

- Các cơ quan chức năng thực hiện việc giao đất sản xuất cho hộ dân tộc thiếu số nghèo, đời sống khó khăn: 30 ngày làm việc.

b) Bổ sung quy định về đối tượng thụ hưởng như sau: Hộ đồng bào dân tộc thiếu số nghèo, đời sống khó khăn trước đây đã cầm cố đất nay không còn đất sản xuất, nhưng có nhu cầu đất để sản xuất, được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước như các đối tượng đã được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Bãi bỏ nguyên tắc “Hộ gia đình dân tộc thiếu số phải có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp” khi xét hộ được cấp đất sản xuất;

d) Quy định rõ danh sách hộ đồng bào dân tộc thiếu số nghèo, đời sống khó khăn do Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt là căn cứ để Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện cho vay (bao gồm việc tuân thủ thứ tự ưu tiên tại danh sách);

đ) Bổ sung quy định về chính sách hỗ trợ như sau: Đối với các tỉnh không có đủ quỹ đất để cấp cho các hộ theo định mức tối thiểu, trường hợp hộ đồng bào dân tộc thiếu số nghèo, đời sống khó khăn tự nguyện muốn nhận đất và có phương án sản xuất kinh doanh tốt, đảm bảo được đời sống thì vẫn tiến hành hỗ trợ giải quyết đất sản xuất theo quy định tại Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

e) Pháp lý hóa các nội dung quy định về thủ tục hành chính này tại Văn bản số 886/UBND-CSĐT ngày 03 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

6. Thủ tục hỗ trợ giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long - B-UBA-060055-TT

a) Quy định rõ thời hạn hỗ trợ giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long tối đa là 30 ngày làm việc (kể từ ngày xóm, ấp bắt đầu bình xét hộ đồng bào dân tộc được thụ hưởng chính sách). Cụ thể như sau:

- Tổ chức họp bình xét hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo có nhu cầu chuyển đổi ngành nghề ở xóm, ấp: 02 ngày làm việc;

- Xóm, ấp tổng hợp danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được xét hỗ trợ giải quyết việc làm (theo thứ tự ưu tiên) theo từng nhu cầu: học nghề, đào tạo nghề đi xuất khẩu lao động, vay vốn để chuyển đổi nghề hoặc để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp... Danh sách tổng hợp kèm theo biên bản họp gửi Ủy ban nhân dân xã: 01 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân xã rà soát, tổng hợp danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ theo từng nhóm của xã: Hỗ trợ đào tạo nghề, vay vốn để chuyển đổi ngành nghề; đi xuất khẩu lao động; vay vốn để sản xuất và kinh doanh thêm ngành nghề dịch vụ khác (với những hộ không có nhu cầu học nghề). Danh sách tổng hợp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt: 04 ngày làm việc;

- Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt: 03 ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã và Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện tiến hành các bước để hỗ trợ cho hộ dân hoặc lao động được đào tạo nghề, chuyển đổi ngành nghề, vay vốn để làm dịch vụ sản xuất hoặc đi xuất khẩu lao động... theo danh sách được phê duyệt: 20 ngày làm việc.

b) Quy định rõ danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn do Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt là căn cứ để Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện cho vay (bao gồm việc tuân thủ thứ tự ưu tiên tại danh sách);

c) Pháp lý hóa các nội dung quy định về thủ tục hành chính này tại Văn bản số 886/UBND-CSĐT ngày 03 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

## **B. Trách nhiệm thực thi phương án đơn giản hóa**

1. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định tiếp tục triển khai thực hiện chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn:

- **Giao Ủy ban Dân tộc** chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1 Mục A Phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước ngày 31 tháng 3 năm 2011;

- **Giao Ủy ban Dân tộc** xây dựng thông tư để quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 02/2007/TT-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào thiểu số đặc biệt khó khăn để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1 Mục A Phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi các quy định có liên quan.

2. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường, **giao Ủy ban Dân tộc** xây dựng thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 06/2007/TT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện mức hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý, để nâng cao nhận thức pháp luật theo Quyết định 112/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 2 Mục A Phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

3. **Giao Ủy ban Dân tộc** xây dựng thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 06/2007/TT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện mức hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý, để nâng cao nhận thức pháp luật theo Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 3 Mục A Phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, để ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

4. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long:

- **Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư** chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008 - 2010 theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 5 và 6 Mục A Phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- **Giao Ủy ban Dân tộc** chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng thông tư để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 4, 5 và 6 Mục A Phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi các quy định có liên quan./.